

Bài tập Phép cộng có nhớ Toán lớp 2

Bài tập trắc nghiệm về phép cộng có nhớ

Bài 1: Lớp 2A có 34 học sinh, lớp 2B có 29 học sinh. Tính tổng số học sinh của hai lớp 2A và 2B.

A. 53 học sinh

B. 55 học sinh

C. 59 học sinh

D. 63 học sinh ☒

Bài 2: An có 29 cái kẹo, mẹ cho An 5 cái kẹo. Hỏi lúc này An có tất cả bao nhiêu cái kẹo?

A. 24 cái

B. 34 cái ☒

C. 44 cái

D. 35 cái

Bài 3: Lớp 2A có 19 bạn nam và 18 bạn nữ. Hỏi lớp 2A có tất cả bao nhiêu học sinh.

A. 27 bạn

B. 31 bạn

C. 35 bạn

D. 37 bạn ☒

Bài 4: Khúc gỗ thứ nhất dài 17dm, khúc gỗ thứ hai dài 19dm. Nếu khúc gỗ thứ ba bằng tổng độ dài hai khúc gỗ đầu thì khúc gỗ thứ ba dài bao nhiêu đề-xi-mét?

A. 36cm

B. 26dm

C. 36dm ☒

D. 46dm

Bài 5: Trên sân có 18 con vịt và 14 con gà. Hỏi trên sân có tất cả bao nhiêu con cả gà và vịt?

A. 31 con

B. 32 con ☒

C. 33 con

D. 34 con

Bài 6: Trên sân có 18 bạn nữ và 15 bạn nam. Hỏi trên sân có tất cả bao nhiêu bạn nam và nữ?

A. 23 bạn

B. 33 bạn ☒

C. 43 bạn

D. 34 bạn

Bài 7: Giá sách thứ nhất có 7 quyển, giá sách thứ hai có 14 quyển. Hỏi cả hai giá sách có tất cả bao nhiêu quyển?

A. 18 quyển

B. 19 quyển

C. 20 quyển

D. 21 quyển ☒

Bài 8: Năm năm trước anh hơn em 6 tuổi. Hỏi sau 17 năm nữa anh hơn em bao nhiêu tuổi?

A. 23 tuổi

B. 11 tuổi

C. 17 tuổi

D. 6 tuổi ☒

Bài 9: Một cửa hàng bán sách, ngày thứ nhất bán được 17 quyển. Ngày thứ hai bán được 15 quyển. Hỏi sau hai ngày cửa hàng bán được bao nhiêu quyển sách?

A. 32 quyển ☒

B. 36 quyển

C. 42 quyển

D. 22 quyển

Bài 10: Trong vườn nhà An có 5 cây xoài, 6 cây cam. Tính tổng số cây trong vườn của nhà An.

A. 11 cây ☒

B. 12 cây

C. 13 cây

D. 14 cây

Bài 11: Một khúc gỗ được chia làm hai đoạn. Đoạn thứ nhất dài 16dm, đoạn thứ hai dài 15dm. Tính chiều dài của khúc gỗ.

A. 30dm

B. 31dm ☒

C. 32dm

D. 31cm

Bài 12: Ba người đi câu cá, người thứ nhất câu được 9 con cá. Người thứ hai câu được 17 con cá. Người thứ ba câu được 15 con cá. Tính tổng số cá mà ba người câu được.

A. 31 con

B. 41 con ☒

C. 37 con

D. 43 con

Bài 13: Hộp màu xanh có 14 viên bi, hộp màu đỏ có 18 viên bi. Tính tổng số bi trong hai hộp xanh và đỏ.

A. 22

B. 32 ☒

C. 33

D. 42

Bài 14: Tìm số lớn nhất có hai chữ số mà tổng hai chữ số bằng 11.

A. 83

B. 93

C. 92 ☒

D. 74

Bài 15: Tìm hiệu của 98 với số lớn nhất có tổng hai chữ số là 11.

A. 5

B. 7

C. 6 ☒

D. 8

Bài 16: Kết quả của phép tính $5 + 6$ là:

A. 9

B. 10

C. 11 ☒

D. 12

Bài tập tự luận về phép cộng có nhớ

Bài 1: Đặt tính rồi tính

$26 + 5$

.....

.....

.....

$56 + 6$

.....

.....

.....

$67 + 9$

.....

.....

.....

$5 + 86$

.....

.....

.....

$66 + 7$

.....

.....

$6 + 37$

.....

.....

.....

$86 + 8$

.....

.....

.....

$6 + 66$

.....

.....

.....

$56 + 4$

.....

.....

.....

$57 + 18$

.....

.....

.....

$$16 + 27$$

.....

.....

.....

$$46 + 18$$

.....

.....

.....

$$36 + 27$$

.....

.....

.....

$$36 + 58$$

.....

.....

.....

$$67 + 26$$

.....

.....

.....

.....

$$57 + 16$$

.....

.....

.....

$$58 + 16$$

.....

.....

.....

$$26 + 35$$

.....

.....

.....

$$16 + 39$$

.....

.....

.....

$$55 + 36$$

.....

.....

.....

Gợi ý

$$26 + 5 = 31 \quad 6 + 37 = 43$$

$$56 + 6 = 62 \quad 86 + 8 = 94$$

$$67 + 9 = 76 \quad 6 + 66 = 72$$

$$5 + 86 = 91 \quad 56 + 4 = 60$$

$$66 + 7 = 73 \quad 57 + 18 = 75$$

$$16 + 27 = 43 \quad 57 + 16 = 73$$

$$46 + 18 = 64 \quad 58 + 16 = 74$$

$$36 + 27 = 63 \quad 26 + 35 = 61$$

$$36 + 58 = 94 \quad 16 + 39 = 55$$

$$67 + 26 = 93 \quad 55 + 36 = 91$$

Bài 2: Tính nhẩm:

$$6 + 5 = \dots\dots\dots$$

$$6 + 7 = \dots\dots\dots$$

$$9 + 6 = \dots\dots\dots$$

$$6 + 9 = \dots\dots\dots$$

$$6 + 4 = \dots\dots\dots$$

$$8 + 5 = \dots\dots\dots$$

$$9 + 6 = \dots\dots\dots$$

$$6 + 4 + 3 = \dots\dots\dots$$

$$9 + 1 + 8 = \dots\dots\dots$$

$$8 + 2 + 10 = \dots\dots\dots$$

Gợi ý

$6 + 5 = 11$

$6 + 7 = 12$

$9 + 6 = 15$

$6 + 9 = 13$

$6 + 4 = 10$

$8 + 5 = 13$

$9 + 6 = 15$

$6 + 4 + 3 = 13$

$9 + 1 + 8 = 18$

$8 + 2 + 10 = 20$

Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ trống:

Số hạng	6	76	56	34	56	77	55	46	49	59	45
Số hạng	86	18	37	46	39	24	26	54	27	39	29
Tổng											

Gợi ý

Số hạng	6	76	56	34	56	77	55	46	49	59	45
Số hạng	86	18	37	46	39	24	26	54	27	39	29
Tổng	92	94	93	80	95	103	81	100	76	98	74

Bài 4: Tìm x, biết

$x + 34 = 54$

.....

.....

$42 + x = 89$

.....

.....

$$38 + x = 68$$

.....

.....

$$x + 62 = 96$$

.....

.....

$$x + 21 = 26 + 15$$

.....

.....

.....

$$x + 33 = 37 + 38$$

.....

.....

.....

$$22 + x = 39 + 36$$

.....

.....

.....

$$51 + x = 46 + 35$$

.....

.....

.....

Gợi ý

a. 20, 30

b. 47, 34

c. 20, 53

d. 42, 30

Bài 5: Một bến xe có 27 ô tô đã rời bến, trong bến còn lại 14 ô tô chưa rời bến. Hỏi lúc đầu có bao nhiêu ô tô trong bến xe đó?

Bài giải

Lúc đầu có số ô tô trong bến xe đó là:

$$27 + 14 = 41 \text{ (xe)}$$

Đáp số: 41 xe ô tô

Bài 6: Tìm một số có 2 chữ số và một số có một chữ số để sao cho tổng hai số đó bằng 10?

Gợi ý:

Hai số đó là 0 và 10

Bài 7: Tìm một số có 2 chữ số và một số có một chữ số để sao cho hiệu hai số đó bằng 1?

Gợi ý:

Hai số đó là 10 và 9

Bài 8: Khúc gỗ thứ nhất dài 17dm, khúc gỗ thứ hai dài 34dm. Tính tổng độ dài của hai khúc gỗ đó.

Bài giải

Tổng độ dài hai khúc gỗ đó là:

$$17 + 34 = 51 \text{ (dm)}$$

Đáp số: 51dm

Bài 9: Mẹ mang ra chợ bán 78 quả cam. Buổi sáng mẹ bán được 34 quả, buổi chiều bán được 37 quả. Hỏi:

a) Cả sáng và chiều mẹ bán được bao nhiêu quả cam?

b) Mẹ còn bao nhiêu quả cam?

Bài giải

a. Cả sáng và chiều mẹ bán được số quả cam là:

$$34 + 37 = 71 \text{ (quả cam)}$$

b. Mẹ còn lại số quả cam là:

$$78 - 71 = 7 \text{ (quả cam)}$$

Đáp số: a. 71 quả cam, b. 7 quả cam

Bài 10: Trong đợt trồng cây mùa xuân, khối 9 trồng được 37 cây, khối 8 trồng 28 cây, khối 7 trồng được 19 cây. Hỏi:

a) Khối 9 và khối 8 trồng được bao nhiêu cây?

b) Cả ba khối trồng được tất cả bao nhiêu cây?

Bài giải

a. Khối 9 và khối 8 trồng được số cây là:

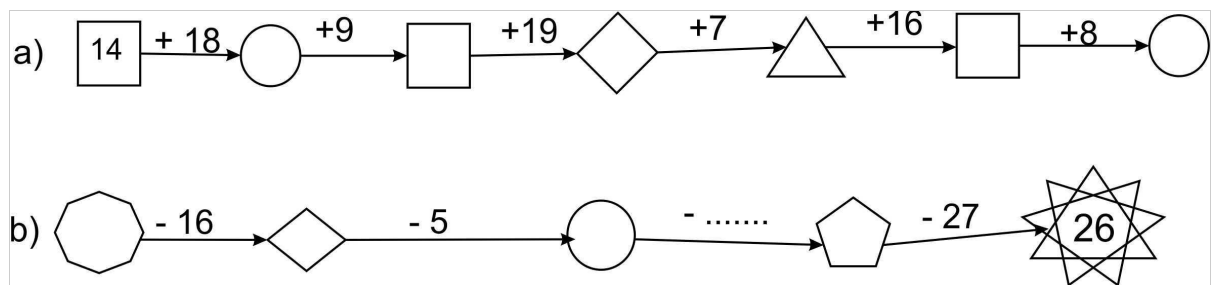
$$37 + 28 = 65 \text{ (cây)}$$

b. Cả ba khối trồng được tất cả số cây là:

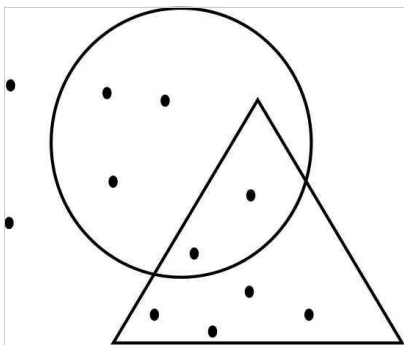
$$65 + 19 = 84 \text{ (cây)}$$

Đáp số: a. 65 cây, b. 84 cây

Bài 11: Điền số thích hợp vào ô trống:



Bài 12:



Có điểm nằm trong hình tròn.

Có điểm nằm ngoài hình tròn.

Có điểm nằm trong tam giác.

Có điểm nằm ngoài tam giác.

Có điểm vừa nằm trong tam giác, vừa nằm trong hình tròn.

Có điểm vừa nằm trong tam giác nhưng không nằm trong hình tròn

Có điểm nằm trong hình tròn nhưng không nằm trong tam giác

Bài 13: Tóm tắt bằng sơ đồ rồi giải bài toán sau: Tháng trước, tổ em 36 điểm mười. Tính ra số điểm mười tháng trước ít hơn tháng này 7 điểm mười. Tính số điểm 10 tháng này?

Bài làm:

.....

.....

.....

Bài 14: Lấy tổng của 49 và 14 rồi trừ đi 21 ta được kết quả là bao nhiêu?

Bài làm:

.....

.....

.....

Bài 15: Một tàu hỏa có ba toa, toa thứ nhất có 17 người, toa thứ hai có 28 người, toa thứ ba có 39 người. Hỏi có tất cả bao nhiêu người trên tàu.

Bài làm:

.....

.....

.....

Bài 16: Đội công nhân mang đến vườn hoa thành phố 368 chậu hoa hồng và 150 chậu hoa cúc. Hỏi đội công nhân mang đến vườn hoa tất cả bao nhiêu chậu hoa?

Bài làm:

.....

.....

.....